

NHÌN LẠI QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TIN LÀNH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ PHÍA BẮC

Tóm tắt: Không gian tín ngưỡng miền núi phía Bắc Việt Nam vốn là không gian tín ngưỡng dân gian của các dân tộc sinh sống ở đây. Nhưng từ năm 1986 trở lại đây, với việc xuất hiện của cái gọi là Vàng Chử do Dương Văn Minh khởi xướng, để rồi sau đó gắn với Tin Lành, đời sống tinh thần của một bộ phận cư dân miền núi phía Bắc có nhiều xáo trộn. Cho đến nay, bộ phận cư dân đó đã trở thành “tín đồ” của một số hệ phái Tin Lành. Bài viết này đưa ra những con số về sự phát triển của Tin Lành ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam qua bốn giai đoạn và cùng với đó là một số đặc điểm của mỗi giai đoạn.

Từ khóa: Tin Lành, Vàng Chử, Thìn Hùng, người Mông, người Dao, dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc.

Tin Lành là tôn giáo cách tân, ra đời ở Đức năm 1517. Đây là một tôn giáo thế giới có những điểm khác biệt so với các tôn giáo khác về danh xưng. Không chỉ một danh xưng như các tôn giáo khác thường có, Tin Lành có hai danh xưng quốc tế là Protestantism và Reformism. Hai danh xưng trên đều được dịch sang tiếng Việt với tên gọi chung là *Tin Lành*. Tuy nhiên, nội hàm danh xưng Tin Lành (khái niệm) rất đa nghĩa. Theo chúng tôi, khái niệm này có ba nghĩa chính sau: Một là, tin tức tốt lành, thông tin tốt lành, tin vui, tin tốt, Phúc Âm. Hai là, phân lại một phần giáo lý Công giáo và phản đối Giáo hoàng. Ba là, tôn giáo mới, tôn giáo cải cách (một số nhà tôn giáo học Phương Tây còn gọi là tôn giáo thời thượng, tôn giáo của xã hội văn minh). Theo chúng tôi, nếu hiểu đầy đủ các ngữ nghĩa trên sẽ cho phép chúng ta cắt nghĩa được một phần về sự du nhập và phát triển nhanh của Tin Lành trên phạm vi toàn cầu⁽¹⁾ và ở Việt Nam hiện nay (trong đó có khu vực Tây Bắc).

Tin Lành kể từ khi du nhập vào Việt Nam, ngoài các danh xưng quốc tế nói trên còn thấy xuất hiện với nhiều tên gọi khác nhau: “Tin Lành Vàng Chử”, xuất hiện khoảng những năm 1986-1990, gắn với tục xưng vua của người Mông vùng dân tộc thiểu số phía Bắc; “Tin Lành Thìn Hùng”, xuất hiện khoảng năm 1987, gắn với vua Trời - Thìn Hùng và chủ yếu gắn với người Dao. “Tin Lành Đẻ Ga”, xuất hiện khoảng những năm 1999-2000, gắn với đồng bào các dân tộc Thượng ở Tây Nguyên.

*. PGS.TS., Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Mặt khác, việc xuất hiện các danh xưng mới này còn gắn và xuất phát từ tính quy luật về sự du nhập, phát triển theo mang dấu ấn vùng dân cư - địa lý hoặc tộc người - địa lý của Tin Lành. Trên bình diện quốc tế có Tin Lành Bắc Mỹ, Tin Lành Mỹ, Tin Lành Hàn Quốc, Tin Lành Bắc Âu,... đã để lại dấu ấn, sắc thái riêng ở phạm vi quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhất định nào đó. Còn khi du nhập và phát triển ở Việt Nam, ngoài sự xuất hiện và chi phối của Tin Lành Mỹ (CMA) với nhiều giáo phái khác nhau, chúng ta còn thấy có sự xuất hiện của các tên gọi mới như Tin Lành Vàng Chứ, Tin Lành Thìn Hùng, Tin Lành Đê Ga phù hợp với các vùng lãnh thổ tương ứng. Điều này sẽ giúp chúng ta lý giải được tại sao Tin Lành vùng dân tộc thiểu số phía Bắc trong quá trình du nhập và phát triển đã có những sắc thái riêng (sắc thái vùng), đó là Tin Lành Vàng Chứ và Tin Lành Thìn Hùng. Tin Lành Vàng Chứ về bản chất chính là loại Tin Lành gắn với dân tộc Mông. Khi Vàng Chứ được truyền vào người Dao, để phù hợp với dân tộc này nó được mang tên mới Thìn Hùng.

Bài viết này đề cập đến bốn giai đoạn hình thành và phát triển của Tin Lành vùng dân tộc thiểu số phía Bắc với hai sắc thái: Tin Lành Vàng Chứ và Tin Lành Thìn Hùng.

1) Giai đoạn 1986-1990: Trước năm 1986, phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số vùng núi phía Bắc theo tín ngưỡng đa thần, chỉ một số ít theo Công giáo. Năm 1986, hiện tượng Vàng Chứ bắt đầu xuất hiện ở hai tỉnh Hà Giang và Sơn La. Tuy nhiên, có thể xem hiện tượng khởi nguồn của Tin Lành Vàng Chứ là ở xã Yên Hương, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang và người đề xướng kêu gọi người Mông theo Vàng Chứ là Dương Văn Minh (người Mông, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng). Sau khi nghe Đài FEBC (từ Manila, Philippines) tuyên truyền về Vàng Chứ, Dương Văn Minh đã kêu gọi người Mông theo Tin Lành Vàng Chứ. Luận điệu truyền truyền là theo Tin Lành Vàng Chứ sẽ cứu được dân tộc Mông thoát khỏi đau khổ, có cuộc sống sung sướng, không làm cũng có ăn. Ai không theo Vàng Chứ sẽ bị hổ ăn thịt, nước cuốn trôi. Ai theo Vàng Chứ phải bỏ thờ cúng ông bà tổ tiên, tập bay và chờ Vàng Chứ đón lên trời. Trong một thời gian ngắn, từ Hàm Yên, hiện tượng Vàng Chứ nhanh chóng lan ra toàn bộ các vùng người Mông ở Tuyên Quang.

Đến năm 1987, Tin Lành Vàng Chứ phát triển, lan sang các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Cao Bằng, Bắc Cạn. Tại Sơn La, Tin Lành Vàng Chứ đã lan truyền từ xã Chiềng Can, huyện Sông Mã sang xã Mường Sai và nhanh chóng phát triển sang các huyện Mai Sơn và Mường La. Đến cuối năm 1991, tại tỉnh này có khoảng 2.000 người Mông của 167 hộ theo Tin Lành Vàng Chứ (thuộc 12 xã, 5 huyện).

Từ giữa năm 1987, từ Sơn La, Tin Lành Vàng Chứ đã xâm nhập vào 3 xã vùng cao Phi Nhừ, Phình Giàng và Sa Dung, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện

Biên. Sau đó Tin Lành Vàng Chứ phát triển ồ ạt tới các huyện Sìn Hồ, Mường Tè, Tuần Giáo. Đặc biệt, ở huyện Mường Lay chỉ trong một tuần có tới 394 hộ thuộc 19 bản, 5 xã tin theo. Năm 1987, Điện Biên có 21 hộ, 130 người ở 2 bản, 1 xã tin theo. Năm 1988, có 144 hộ, 428 người ở 9 bản, 5 xã, 2 huyện tin theo. Năm 1989, có 519 hộ, 3.554 người ở 44 bản, 20 xã, 4 huyện. Năm 1990, có 881 hộ, 5.361 người ở 62 bản, 23 xã, 6 huyện tin theo⁽²⁾.

Tính đến năm 1990, ở 8 tỉnh vùng núi phía Bắc, Tin Lành Vàng Chứ, Thờ Hùng đã thâm nhập vào 164 xã có đồng bào Mông, Dao. Việc truyền đạo ở khu vực và giai đoạn này có những đặc điểm đáng chú ý là:

- Hoạt động truyền đạo chủ yếu được thực hiện qua đài FEBC (phát bằng tiếng Mông) kết hợp với đội ngũ thừa tác viên trực tiếp truyền đạo.

- Các chủ thể truyền đạo đã triệt để lợi dụng tục xung vua và đặc điểm bản tính người Mông để khơi dậy những vấn đề từ chiều sâu lịch sử và tâm lý tộc người.

- Ở giai đoạn đầu, khi mới hình thành Tin Lành Vàng Chứ, tính chất mê tín được khơi dậy và đẩy lên cao kết hợp với hù dọa, kích động và khuyến thưởng để tạo kỳ vọng cho những người tin theo.

2) Giai đoạn 1991-1992: Nếu như giai đoạn 1986-1990 là thời kỳ du nhập, tìm cách đứng chân và bắt đầu phát triển của Tin Lành Vàng Chứ trong đồng bào các dân tộc Mông, Dao vùng dân tộc thiểu số phía Bắc, thì giai đoạn 1991-1992 có thể xem là bước chững lại. Đây là thời kỳ khá đặc biệt. Từ Tin Lành Vàng Chứ, một bộ phận người Mông đã chuyển sang theo đạo Công giáo. Năm 1991, một số nhân vật cầm đầu tuyên truyền Vàng Chứ đã tìm đến các nhà thờ Công giáo ở Yên Bái và Hà Nội. Số này được các linh mục củng cố đức tin, bồi dưỡng giáo lý và cấp Kinh thánh. Trở về địa phương, họ công khai bỏ Tin Lành Vàng Chứ, theo và tuyên truyền đạo Công giáo trong cộng đồng người Mông. Nhưng sau một thời gian, phát hiện thấy Công giáo có nhiều nghi lễ phức tạp, có nhiều điểm không giống với tôn giáo mà trước kia được tuyên truyền, tiếp nhận qua Đài FEBC và các thừa tác viên Tin Lành Vàng Chứ, vì vậy họ quay trở lại theo Vàng Chứ.

Những diễn biến nói trên cho thấy, trong bước chững lại ngắn này, về tâm lý và nhận thức, người Mông theo Tin Lành thời kỳ này đang đứng trước việc nhận thức, tìm hiểu tôn giáo mà mình lựa chọn và song hành với tìm hiểu, học hỏi là làm thử, so sánh để đi đến sự lựa chọn sau cùng - theo Tin Lành Vàng Chứ.

3) Giai đoạn 1993-2004: Đây là giai đoạn Tin Lành phát triển nhanh, đột biến và diễn biến phức tạp. Từ năm 1993, một số người Mông đã tìm đến Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) số 2 Ngõ Trạm, Hà Nội. Họ được Hội Thánh tiếp đón nhiệt thành, cấp Kinh Thánh, tài liệu, giảng giải bài bản về Tin Lành.

Trở về địa phương, họ phân phát tài liệu cho đồng bào và lập danh sách người theo đạo gửi các cấp chính quyền cơ sở xin theo đạo. Hàng tuần các thừa tác viên tập hợp người Mông nghe giảng Tin Lành qua các băng ghi âm bằng tiếng Mông. Đến tháng 5 năm 2003, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) tiếp nhận danh sách hơn 20.000 người Mông xin theo Tin Lành, thuộc 6 tỉnh: Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang và Hà Giang.

Tại tỉnh Điện Biên, trong các năm 1993-1994, Tin Lành phát triển mạnh mẽ hiện qua các con số: Năm 1993, 11.352 người; Năm 1994, 116.06 người; Năm 1995, 17.071 người; Năm 1996, 26.419 người; Năm 1997, 27.562 người; Năm 1998, 29.821 người; Năm 1999, 34.914 người; Năm 2000, 37.942 người; Năm 2001, 27.562 người; Năm 2002, 35.947 người; Năm 2003, 35.698 người; Năm 2004, 22.249 người⁽³⁾.

Tỉnh Hà Giang, Tin Lành tiếp tục phát triển từ giữa năm 1994. Những người truyền đạo tiếp tục kích động, xúi giục đồng bào Mông, Dao bỏ Vàng Chứ, Thìn Hùng theo Tin Lành. Cuối năm 1994, toàn tỉnh có 10.952 người thuộc 1.907 hộ theo Tin Lành. Đến năm 1996, số người theo đạo suy giảm, còn 4.460 người, nhưng từ năm 1997, lại tiếp tục phát triển, thậm chí lan rộng thêm ở 4 huyện phía Bắc- địa bàn cư trú chủ yếu của người Mông. Tháng 10/1998, toàn tỉnh có 6.527 người thuộc 1.227 hộ theo Tin Lành. Đến cuối năm 2004, Hà Giang có 10.721 người thuộc 1.382 hộ theo Tin Lành, với 50 người cầm đầu⁽⁴⁾.

Tỉnh Lào Cai, Tin Lành trong thời kỳ này phát triển tương đối phức tạp. Năm 1994 có 18.000 người ở 161 thôn, bản, 60 xã, 7 huyện thị. Đến tháng 11/2000, số người theo đạo giảm xuống còn 14.019 người. Tính đến 11/2004, toàn tỉnh có 7.128 người theo Tin Lành ở 1.128 hộ, 80 thôn bản, 34 xã, 7 huyện thị.

Tỉnh Bắc Kạn, từ những năm 1990, Tin Lành ở đây đã thường xuyên có mối liên hệ với Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc). Đến năm 1997, Tin Lành có mặt ở hầu hết các huyện có người Mông. Năm 1998, toàn tỉnh có 9.450 người thuộc 1.242 hộ; năm 2001 có 11.814 người thuộc 1.785 hộ chủ yếu là người Mông và người Dao.

Tỉnh Cao Bằng, đến năm 2004 có 14.000 người theo Tin Lành thuộc các dân tộc Mông, Dao và Sán Chỉ ở 7 huyện, 44 xã, 220 xóm, 148 điểm nhóm.

Nghiên cứu quá trình phát triển của Tin Lành giai đoạn này, chúng tôi thấy một số điểm nổi bật, đòi hỏi các chủ thể quản lý nhà nước đối với Tin Lành cần phải hết sức quan tâm:

- Tin Lành giai đoạn này có sự phát triển khá nhanh, ngày càng phức tạp và có những lúc đột biến về số lượng và địa bàn.

- Tin Lành thực sự trở thành một thực thể xã hội - tôn giáo tồn tại và lan rộng ở hầu hết vùng các dân tộc người Mông, người Dao ở phía Bắc.

- Đối tượng truyền đạo và phát triển tín đồ chủ yếu là người Mông và người Dao, song đang có xu hướng phát triển sang một số dân tộc thiểu số khác trong vùng.

- Về đức tin, tư tưởng, tâm lý và các hành vi tôn giáo đã thay chín muồi cho việc lựa chọn Tin Lành. Trong cộng đồng người Mông và người Dao nơi đây, một chất lượng Tin Lành mới cao hơn đã hình thành.

- Trong giai đoạn này, đan xen với các hoạt động tôn giáo thuần túy là những hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật. Từ những hoạt động truyền đạo lén lút, bí mật, từng bước chuyển sang công khai, thậm chí hướng dẫn, xúi giục người theo đạo viết đơn đòi tự do theo đạo.

- Điểm đáng chú ý là đã bắt đầu hình thành những tổ chức đạo ở cơ sở trái pháp luật như Ban Chấp sự, Ban Hiệp nguyện và các thành viên trong nhóm đứng đầu được phân công trách nhiệm cụ thể để thống nhất hoạt động. Không ít nơi còn hướng tới liên hệ với các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước để gây thanh thế, tìm kiếm sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần.

- Đã thấy xuất hiện sự tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau giữa một số hệ phái Tin Lành trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số phía Bắc, nhất là giữa Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) và Liên hữu Cơ Đốc Việt Nam.

4) Giai đoạn từ năm 2005 đến nay: Trước khi Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ra đời, Tin Lành ở nước ta phát triển tự phát và không bình thường trên phạm vi cả nước, trở thành vấn đề tôn giáo lớn, phức tạp, nhạy cảm.

Ở Điện Biên, năm 2007 có 24.560 người theo Tin Lành (23.615 là người Mông, chiếm 96,3%) thuộc 130 thôn, bản, 29 xã, 6 huyện. Năm 2009 có 27.527 người theo Tin Lành (26.608 người Mông, chiếm 94%).

Tỉnh Lai Châu, năm 2007 có 11.866 người theo Tin Lành; năm 2008 có 16.674 người theo Tin Lành; năm 2009 có 17.092 người theo Tin Lành (chiếm 98% tổng số người theo đạo)⁽⁵⁾.

Tỉnh Lào Cai, năm 2009 có 16.228 người theo Tin Lành (15.850 người Mông, chiếm 98%). Tỉnh Cao Bằng trong những năm gần đây Tin Lành phát triển khá ổn định. Đến tháng 3/2010, toàn tỉnh có 16.353 người theo Tin Lành (7.293 người Mông, chiếm 44,4%); đồng thời có 2 điểm nhóm với 77 tín đồ thuộc Hội Thánh Liên hữu Cơ Đốc Việt Nam.

Tỉnh Bắc Kạn, tính đến giữa năm 2007 có 8.309 người theo Tin Lành (7.923 người Mông, chiếm hơn 60%). Số người truyền đạo tại chỗ ở đây có 77 người (69 người Mông và 8 người Dao).

Tỉnh Hà Giang, năm 2007 có 14.557 người theo Tin Lành (12.540 người Mông, chiếm 86%). Đến năm 2009 có 17.662 người theo Tin Lành (15.401 người Mông, chiếm 87%).

Tỉnh Sơn La, tuy số lượng người theo Tin Lành ít song cũng phức tạp, năm 2009 toàn tỉnh có 4.078 người theo Tin Lành thuộc 2 hệ phái là Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) và Hội Thánh Liên hữu Cơ Đốc Việt Nam. Điểm khác biệt và nổi bật của Tin Lành nơi đây là số người theo hệ phái Hội Thánh Liên hữu Cơ Đốc Việt Nam nhiều hơn rất nhiều lần so với số người theo hệ phái Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc).

Qua nghiên cứu sự phát triển của Tin Lành giai đoạn này chúng tôi thấy rằng:

- Tin Lành tuy phát triển ổn định, song vẫn có những yếu tố phức tạp.
- Năm 2008, số người theo Tin Lành tăng mạnh nhất, năm 2009 tăng thấp hơn.
- Trong các tỉnh vùng núi phía Bắc, Điện Biên là tỉnh có số người Mông theo Tin Lành nhiều nhất và có tỷ lệ cao nhất.

Một vài số liệu về sự phát triển Tin Lành vùng trung du và miền núi phía Bắc hiện nay (số liệu tính đến tháng 3/2011):

Tỉnh Hà Giang: số hệ phái: 7; số tín đồ: 19.572 (tín đồ dân tộc thiểu số: 19.572); số điểm nhóm: 174; điểm nhóm đã cấp đăng ký: 25; trường điểm nhóm: 174.

Tỉnh Cao Bằng: số hệ phái: 02; số tín đồ: 16.437 (tín đồ dân tộc thiểu số: 16.437); số điểm nhóm: 159; điểm nhóm đã cấp đăng ký: 66; nhà nhóm: 159; trường điểm nhóm: 159.

Tỉnh Bắc Kạn: số hệ phái: 02; số tín đồ: 11.701 (tín đồ dân tộc thiểu số: 11.655); số điểm nhóm: 78; điểm nhóm đã cấp đăng ký: 45; nhà nhóm: 78; trường điểm nhóm: 78.

Tỉnh Tuyên Quang: số hệ phái: 05; số tín đồ: 7.020 (tín đồ dân tộc thiểu số: 7.020); số điểm nhóm: 68; điểm nhóm đã cấp đăng ký: 36; mục sư: 09; mục sư nhiệm chức: 17; truyền đạo: 02; trường điểm nhóm: 67.

Tỉnh Lào Cai: số hệ phái: 06; số tín đồ: 19.650 (tín đồ dân tộc thiểu số: 19.647); số điểm nhóm: 170; điểm nhóm đã cấp đăng ký: 34; trường điểm nhóm: 170.

Tỉnh Yên Bái: số hệ phái: 04; số tín đồ: 610 (tín đồ dân tộc thiểu số: 610); số điểm nhóm: 09; điểm nhóm đã cấp đăng ký: 03; trường điểm nhóm: 09.

Tỉnh Thái Nguyên: số hệ phái: 05; số tín đồ: 3.788 (tín đồ dân tộc thiểu số: 3.788); số điểm nhóm: 30; điểm nhóm đã cấp đăng ký: 20; nhà nhóm: 26.

Tỉnh Lạng Sơn: số hệ phái: 01; 2); số tín đồ: 1.978 (tín đồ dân tộc thiểu số: 1.978); chi hội: 01; số điểm nhóm: 02; điểm nhóm đã cấp đăng ký: 01; nhà thờ: 01; nhà nhóm: 01; mục sư nhiệm chức: 01.

Tỉnh Điện Biên: số hệ phái: 05; số tín đồ: 33.835 (tín đồ dân tộc thiểu số: 33.835); số điểm nhóm: 280; điểm nhóm đã cấp đăng ký: 03; nhà nhóm: 227; mục sư: 06; mục sư nhiệm chức: 02.

Tỉnh Lai Châu: số hệ phái: 04; số tín đồ: 31.598 (tín đồ dân tộc thiểu số: 31.598); chi hội: 0; số điểm nhóm: 154; điểm nhóm đã cấp đăng ký: 10; mục sư: 02; mục sư nhiệm chức: 14; trưởng điểm nhóm: 154.

Tỉnh Sơn La: số hệ phái: 02; số tín đồ: 4.555 (tín đồ dân tộc thiểu số: 4.353); số điểm nhóm: 44; mục sư: 06; trưởng điểm nhóm: 112.

Tỉnh Thanh Hóa: số hệ phái: 15; số tín đồ: 5.153 (tín đồ dân tộc thiểu số: 3.451); chi hội: 01; số điểm nhóm: 72; điểm nhóm đã cấp đăng ký: 15; nhà thờ: 01; mục sư: 01; mục sư nhiệm chức: 67; trưởng điểm nhóm: 14.

Tỉnh Nghệ An: số hệ phái: 05; số tín đồ: 103 (tín đồ dân tộc thiểu số: 09); số điểm nhóm: 09; mục sư: 01; trưởng điểm nhóm: 09⁽⁶⁾.

Như vậy, hiện nay Tin Lành vùng trung du và miền núi phía Bắc đã có 156.000 tín đồ, (154.145 người dân tộc thiểu số, chiếm 98,7% tổng số người theo đạo, 2 chi hội; 1.249 số điểm nhóm (số được cấp đăng ký là 258); 2 nhà thờ, 491 nhà nhóm; 25 mục sư và 101 mục sư nhiệm chức, có 2 truyền đạo và 1.194 trưởng điểm nhóm.

- Số tín đồ theo Tin Lành khu vực này hiện nay tuyệt đại đa số là người dân tộc thiểu số, trong đó chủ yếu là người Mông và Dao. Sau Chi thị 01, hoạt động của Tin Lành nơi đây dần đi vào ổn định theo hướng tuân thủ pháp luật, song vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất ổn về an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Ở khu vực miền núi phía Bắc, sau 5 năm mới cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo cho khoảng trên 20% tổng số điểm nhóm (258/1.249). Một số địa phương có tâm lý chờ Trung ương công nhận tổ chức bên trên mới cho đăng ký ở bên dưới.

- Hoạt động của Tin Lành khu vực này công khai hơn, quy mô tăng dần; quan hệ quốc tế của Tin Lành ngày càng rộng mở và được các nước Phương Tây đặc biệt quan tâm theo dõi, kể cả những nhân vật có uy tín trên thế giới. Các tổ chức phi Chính phủ liên quan đến Tin Lành nước ngoài xuất hiện thường xuyên hơn.

- Vấn đề cơ sở thờ tự và sinh hoạt Tin Lành ngoài cơ sở thờ tự đang đặt ra khá bức xúc đối với cả chức sắc, tín đồ, đòi hỏi các cấp quản lý nhà nước đối với tôn giáo này phải tính đến.

Như vậy, sự du nhập và phát triển của Tin Lành vùng dân tộc thiểu số phía Bắc không chỉ đã, đang và sẽ đặt ra nhiều vấn đề về mặt tôn giáo học, mà còn không ít vấn đề bức xúc đòi hỏi công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, các cấp, các ngành cần quan tâm giải quyết trong thời gian tới./.

CHÚ THÍCH:

1. Tin Lành ra đời sau Công giáo 15 thế kỷ. Với lịch sử tồn tại gần 500 năm, tính đến năm 2010, tôn giáo này đã có trên 900 triệu tín đồ.
2. Nguyễn Đức Lữ (2005), *Kỷ yếu đề tài Chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với đạo Tin Lành vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh miền núi phía Bắc nhằm phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Chính phủ*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Hà Nội.
3. Tỉnh ủy Điện Biên, Ban Dân vận (8/2007), *Báo cáo chuyên đề về tình hình đạo Tin Lành trên địa bàn Tỉnh*, Điện Biên Phủ.
4. Vũ Tất Thành (2009), *Công tác đối với Tin Lành vùng đồng bào Mông tỉnh Hà Giang hiện nay*, Luận văn Thạc sỹ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
5. Tỉnh ủy Lai Châu (10/2007), *Báo cáo sơ kết hai năm thực hiện Chỉ thị 01*.
6. Ban Tôn giáo Chính phủ (2011), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg, ngày 04/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với Tin Lành*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2011), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg*.
2. Nguyễn Đức Lữ (2005), *Kỷ yếu đề tài Chính sách của Nhà nước Việt Nam đối với đạo Tin Lành vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh vùng núi phía Bắc nhằm phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của Đảng và Chính phủ*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Tín ngưỡng, Hà Nội.
3. Vũ Tất Thành (2009), *Công tác đối với Tin Lành vùng đồng bào Mông tỉnh Hà Giang hiện nay*, Luận văn Thạc sỹ Triết học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
4. Tỉnh ủy Điện Biên, Ban Dân vận (8/2007), *Báo cáo chuyên đề về tình hình đạo Tin Lành trên địa bàn Tỉnh*, Điện Biên Phủ.
5. Tỉnh ủy Lai Châu (10/2007), *Báo cáo sơ kết hai năm thực hiện Chỉ thị 01*.

LOOKING BACK THE PROCESS OF ESTABLISHMENT AND DEVELOPMENT OF PROTESTANTISM IN THE NORTHERN ETHNIC MINORITY AREAS

The space of religious belief in the Northern mountainous regions of Vietnam used to be the space of folk beliefs of ethnic groups who are living there. From 1986 to now the appearance of the so called “Vàng Chứ” initiated by Dương Văn Minh, to which it then attaches to Protestantism, spiritual life of part resident has been disordered in the Northern mountainous regions. Until now, these people have become “believers” of some Protestant denominations. This article provides data on Protestant development in Vietnam’s Northern mountainous regions through four stages and characters of each stage.

Key words: Protestantism, Vàng Chứ, Thìn Hùng, Mieu people, Dzao people, ethnic minorities in Northern mountainous regions